

BÀI 11

KHÍ QUYỂN. SỰ PHÂN BỐ NHIỆT ĐỘ KHÔNG KHÍ TRÊN TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU BÀI HỌC

Sau bài học, HS cần :

1. Về kiến thức

Hiểu rõ :

- Cấu tạo của khí quyển. Các khối khí và tính chất của chúng. Các frông, sự di chuyển của các frông và tác động của chúng.
- Nguồn cung cấp nhiệt chủ yếu cho không khí ở tầng đối lưu là nhiệt của bề mặt Trái Đất do Mặt Trời cung cấp.
- Các nhân tố ảnh hưởng đến sự thay đổi nhiệt độ không khí.

2. Về kĩ năng

Nhận biết nội dung kiến thức qua : hình ảnh, bảng thống kê, bản đồ.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC

- Vẽ phóng to các hình 11.1 ; 11.2 ; 11.3 và bảng 11 để GV tổng kết và bổ sung những ý kiến trả lời của HS.
- Các hình của SGK chính là phương tiện để GV hướng dẫn HS quan sát, đồng thời cũng là công cụ để HS học tập ở lớp cũng như ở nhà.

III. MỘT SỐ ĐIỂM CẦN LƯU Ý

1. Về nội dung

- Sau bài 10 GV nên hướng dẫn HS ôn lại các mục II – Các mùa trong năm và mục III – Ngày đêm dài ngắn theo mùa, ở bài 6.
- Trọng tâm của bài là phần II.2 : Sự phân bố nhiệt độ không khí trên Trái Đất.
- Trong phần II.2 : (Các nhân tố...) nên ưu tiên thời gian cho mục a) "Phân bố theo vĩ độ địa lí".

– GV cần giải thích cho HS biết nhiệt độ trung bình năm ở vĩ độ 20° cao hơn ở Xích đạo, vì ở Xích đạo năng lượng bức xạ mặt trời bị suy giảm nhiều là do có nhiều hơi nước, mây, mưa (ở vùng xích đạo có diện tích đại dương và rừng rất lớn).

2. Về phương pháp

Hầu hết kiến thức của bài, GV đều có thể dẫn dắt HS nhận biết trên cơ sở kiến thức đã có và qua quan sát các hình trong sách. Ví dụ : dạy xong các khối khí, GV có thể nêu câu hỏi "Tính chất của các khối khí có ổn định không ? Vì sao ?". Dạy xong mục 3 – Frông, có thể nêu câu hỏi "So sánh nguyên nhân hình thành frông và nguyên nhân hình thành dải hội tụ nhiệt đới".

3. Gợi ý trả lời một số câu hỏi

Mục I.1 – Cấu trúc của khí quyển

– Câu hỏi :

Hãy cho biết tác dụng của lớp ôdôn đối với sinh vật cũng như sức khoẻ của con người.

Trả lời :

Lớp ôdôn lọc bớt và giữ lại một số tia tử ngoại gây nguy hiểm cho cơ thể động vật và thực vật. Không có lớp ôdôn thì sinh vật trên Trái Đất sẽ bị tiêu diệt hết.

Mục II.2a) – Phân bố theo vĩ độ địa lí

– Câu hỏi :

Dựa vào kiến thức đã học và quan sát bảng thống kê hãy nhận xét và giải thích :

+ Sự thay đổi nhiệt độ trung bình năm theo vĩ độ địa lí.

+ Sự thay đổi biên độ nhiệt độ năm theo vĩ độ địa lí.

Trả lời :

+ Càng lên vĩ độ cao, nhiệt độ trung bình năm càng giảm. Nguyên nhân là càng lên vĩ độ cao góc chiếu sáng của Mặt Trời (góc nhập xạ) càng nhỏ ;

+ Càng lên vĩ độ cao, biên độ nhiệt độ năm càng lớn. Nguyên nhân càng lên vĩ độ cao chênh lệch góc chiếu sáng và chênh lệch thời gian chiếu sáng (ngày và đêm) trong năm càng lớn. Ở vĩ độ cao, mùa hạ góc chiếu sáng lớn và thời gian chiếu sáng dài (gần tới 6 tháng ở cực) ; mùa đông

góc chiếu sáng nhỏ dần tới 0° , thời gian chiếu sáng ít dần (tới 6 tháng đêm ở địa cực).

Mục II.2b) – Phân bố theo lục địa và đại dương

– Câu hỏi :

Quan sát hình 11.3, hãy nhận xét và giải thích sự thay đổi của biên độ nhiệt năm ở các địa điểm nằm trên khoảng vĩ tuyến 52° B.

Trả lời :

Càng xa đại dương biên độ nhiệt độ năm càng tăng, do tính chất lục địa tăng dần.

Mục II.2c) – Phân bố theo địa hình

– Câu hỏi :

Quan sát hình 11.4, hãy phân tích mối quan hệ giữa hướng phơi của sườn với góc nhập xạ và lượng nhiệt nhận được.

Trả lời :

Sườn núi ngược với chiều của ánh sáng Mặt Trời thường có góc nhập xạ lớn và lượng nhiệt nhận được cao hơn. Sườn núi cùng chiều với ánh sáng Mặt Trời, thường có góc chiếu sáng nhỏ hơn và lượng nhiệt nhận được thấp hơn.

IV. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC DẠY HỌC

1. Mở bài

Ở lớp 6 các em đã được học qua về các tầng khí quyển. Bài hôm nay sẽ giúp các em hiểu thêm về một số đặc điểm của các tầng, đặc biệt là tầng đối lưu và tầng bình lưu, các tầng này đã ảnh hưởng đến thời tiết và khí hậu cũng như đời sống của chúng ta như thế nào ?

2. Tổ chức dạy học

– Với nội dung ở mục : "Phân bố theo vĩ độ địa lí", GV nên tổ chức cho các nhóm quan sát bảng thống kê và thảo luận câu hỏi giữa bài của SGK.